

V, ngày 08 tháng 7 năm 2019

Số: 79/2019/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 6, 7, 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 152/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1978 và anh Lương Hồng Q, sinh năm 1976; đều cư trú: Thôn N, xã TT, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản sau ly hôn ngày 28 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Lương Hồng Q.

- *Về con chung:* Chị Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lương Quốc D, sinh ngày 10/11/2003 và cháu Lương Quốc Hg,

sinh ngày 20/8/2007. Anh Lương Hồng Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bùi Thị H mỗi tháng là 1.500.000đ/01 cháu (hai cháu là 3.000.000đ/01 tháng) kể từ tháng 7/2019 cho đến khi lần lượt cháu D, cháu Hg đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự; nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về các vấn đề khác*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Chị Bùi Thị H tự nguyện chịu 300.000đ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004518 ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự trong việc dân sự;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND xã TT, TP V,
- (ĐKKH năm 2002);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Thẩm phán

Đã Ký

Mầu Văn Mùi